

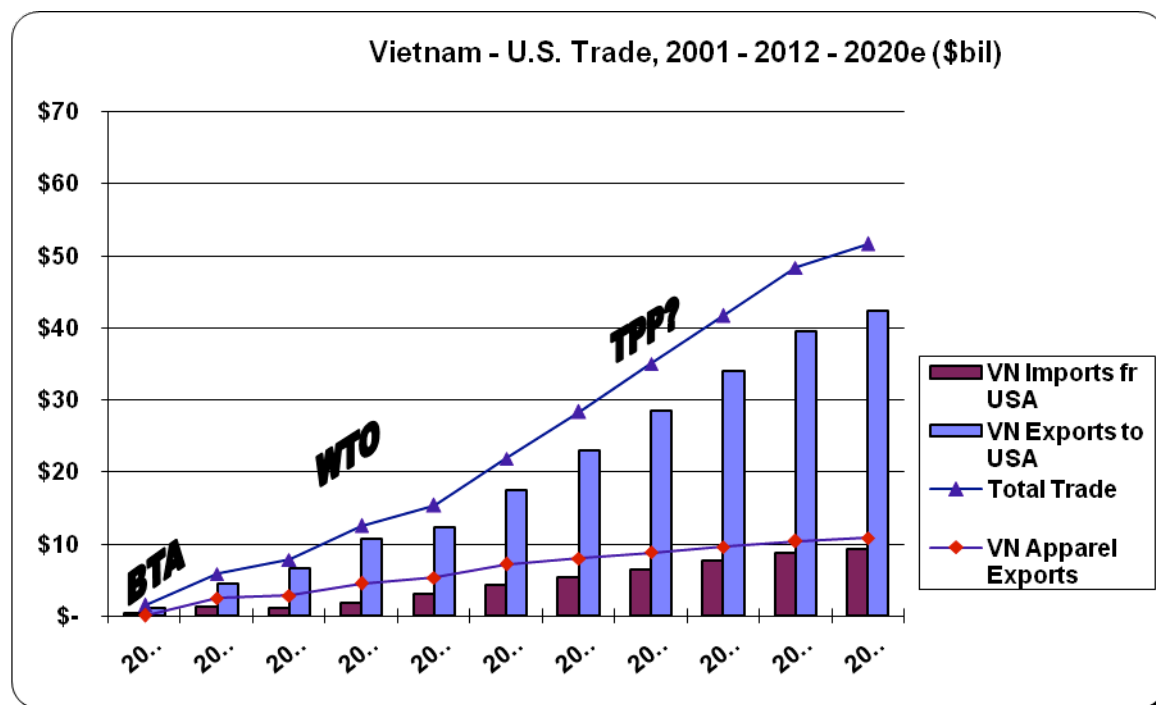
ẤN BẢN: VET233  
TRANG: COVER STORY  
MỤC: Phỏng vấn Amcham  
TÁC GIẢ: Thu Trang  
SỐ LƯỢNG: 1,881

[http://baogiay.vneconomy.vn/thoi-bao-kinh-te-viet-nam/05072013.htm#/-](http://baogiay.vneconomy.vn/thoi-bao-kinh-te-viet-nam/05072013.htm#/) page 9

**GIỚI THIỆU:** Ông Herb Cochran, Giám đốc Điều hành AmCham Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có buổi trao đổi với phóng viên Thu Trang của tạp chí VET về tình hình đầu tư và thương mại song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

**Xin Ông vui lòng chia sẻ nhận định của mình về những thành quả đạt được từ khi Hiệp định Tự do Thương mại song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ (BTA) được ký kết vào tháng 12 năm 2001?**

Kết quả đáng chú ý nhất sau khi Hiệp định Tự do Thương mại song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đạt được là việc mở rộng một cách mạnh mẽ và ổn định thương mại song phương giữa hai nước, và việc mở rộng đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ (US-related) vào Việt Nam. Biểu đồ và bảng số liệu dưới đây cho thấy tình hình thương mại thực tế giữa Việt Nam và Hoa Kỳ từ năm 2001 đến 2012 (số liệu thực tế) và dự báo đến năm 2020. Hiệp định Tự do Thương mại song phương có hiệu lực từ tháng 12 năm 2001, từ đó biểu đồ và bảng số liệu cho thấy kết quả của hiệp định. Giá trị thương mại song phương đã tăng từ 1.5 tỷ đô la Mỹ năm 2001 lên đến 24.9 tỷ đô la Mỹ năm 2012. Nếu xu hướng này tiếp tục giữ vững, giá trị thương mại song phương có thể đạt đến 51.6 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020. Đáng lưu ý, giá trị xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ chiếm 40% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ



	2001	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2016	2020
VN Imports fr USA	\$ 0.5	\$ 2.8	\$ 3.1	\$ 3.7	\$ 4.3	\$ 4.6	\$ 5.3	\$ 7.0	\$ 9.4
VN Exports to USA	\$ 1.1	\$ 12.9	\$ 12.3	\$ 14.9	\$ 17.5	\$ 20.3	\$ 23.0	\$ 31.3	\$ 42.3
Total Trade	\$ 1.5	\$ 15.7	\$ 15.4	\$ 18.6	\$ 21.8	\$ 24.9	\$ 28.3	\$ 38.3	\$ 51.6
VN Apparel Exports	\$ 0.0	\$ 5.4	\$ 5.3	\$ 6.3	\$ 7.2	\$ 7.7	\$ 8.0	\$ 9.2	\$ 10.8
VN Trade Surplus	\$ (0.6)	\$ 10.1	\$ (9.2)	\$ 11.2	\$ 13.1	\$ 15.6	\$ 17.6	\$ 24.2	\$ 32.9
VN Apparel/Total (%)	5%	42%	43%	42%	41%	38%	35%	29%	26%
Change in total trade %	27%	25%	-2%	21%	17%	14%	14%	9%	7%
Change in VN Imports %		47%	11%	19%	17%	7%	16%	8%	7%
Change in VN Exports %		21%	-5%	21%	18%	16%	13%	10%	7%

Nguồn: Bộ Thương mại Hoa Kỳ

Để trả lời câu hỏi là liệu BTA có giúp tăng đầu tư trực tiếp FDI vào Việt Nam và tại sao? Câu trả lời là có, BTA rõ ràng đã giúp tăng cường đầu tư trực tiếp FDI vào Việt Nam, theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Đầu tư Nước ngoài (FIA), và USAID dự án “Hỗ trợ xúc tiến thương mại” (STAR). Từ năm 2003 đến 2006, và hơn thế nữa, bùng nổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với giá trị đăng ký tăng vọt lên 375%. Nổi bật hơn hết là công bố của Intel vào năm 2006 cam kết đầu tư khoảng 1 tỷ đô la Mỹ vào nhà máy sản xuất chip tại Thành phố Hồ Chí Minh. Niềm tin của nhà đầu tư được tăng lên vì một số lý do, trong đó phải kể đến là việc thực hiện hiệu quả BTA, gia nhập WTO của Việt Nam, cải thiện môi trường kinh doanh trong nước, triển vọng tốt để tăng trưởng kinh tế.

Sau BTA, đầu tư trực tiếp trong một số lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng trưởng rất nhanh. Ảnh hưởng kinh tế trực tiếp của BTA là việc Hoa Kỳ mở rộng Ưu đãi Tối huệ quốc (MFN) cho hàng hóa Việt Nam. Thị trường Mỹ mới được mở ra như một lối thoát về giảm áp lực thể so sánh cho doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt trong những lĩnh vực có nhu cầu lao động lớn như dệt may, da giày và chế biến gỗ và sản phẩm nội thất. Dữ liệu cho thấy đầu tư trực tiếp đổ vào ba lĩnh vực này từ năm 2000 đến 2005, mở rộng hơn gấp 7 lần trong giai đoạn này. Đầu tư trực tiếp có thể ảnh hưởng trực tiếp đến BTA. Như dự kiến, hầu hết FDI có nguồn gốc từ các nền kinh tế Châu Á lân cận, hầu như không có nguồn gốc từ Hoa Kỳ, trong đó có vài công ty chuyên sản xuất các sản phẩm có nhu cầu lớn về lao động. Tuy nhiên, các công ty Hoa Kỳ đã tham gia trực tiếp vào việc mua và phân phối các sản phẩm này.

Một bất thường từ lâu là nguồn đầu tư trực tiếp của Hoa Kỳ vào Việt Nam được báo cáo là tương đối thấp: ví dụ, Hoa Kỳ được xếp thứ 11 trong bản xếp hạng của các quốc gia đầu tư trực tiếp vào Việt Nam năm 2004, xem xét trên cơ sở tích lũy từ năm 1998. Đây là điều mâu thuẫn với nhận thức “đạo phố”, nơi mà người ta nhìn thấy các quảng cáo, bảng hiệu có vẻ như là của công ty Hoa Kỳ. Cập nhật của báo cáo là thước đo mới, “đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ” sẽ bao gồm cả đầu tư trực tiếp của các công ty con tại nước thứ ba của doanh nghiệp Hoa Kỳ đến các dòng vốn đầu tư “song phương” bình thường có nguồn gốc trực tiếp từ Hoa Kỳ. Ví dụ, đầu tư chính của Intel được báo cáo là đầu tư trực tiếp từ Hong Kong, vì đầu tư này do chi nhánh Intel ở Hong Kong. Theo cách tính của chúng ta, nó sẽ được tính là đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ vì được thực hiện bởi doanh nghiệp Hoa Kỳ. Các chi nhánh nước ngoài của công ty Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam chủ yếu từ Singapore, Hong Kong, Hà Lan và các quốc đảo khác. Lý do các doanh nghiệp Hoa Kỳ đầu tư vào Việt Nam thường thông qua các chi nhánh tại nước ngoài vì bao gồm ưu đãi pháp luật về thuế và lợi thế trong việc giám sát quản lý các khoản đầu tư của họ từ trụ sở trực thuộc khu vực.

Đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ vào Việt Nam được xếp hạng trong nhóm các quốc gia có đầu tư trực tiếp cao nhất từ năm 2003 đến giữa năm 2006. Dựa vào số liệu trong báo cáo mới đây cho thấy đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ là nguồn đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam năm 2003 và 2004.

Đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ tập trung vào lĩnh vực vốn / và ngành nghề kỹ năng chuyên sâu, trong một số tỉnh thành, và doanh nghiệp 100% nước ngoài. Vốn đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ thực hiện dàn trải trong một số lĩnh vực vốn / kỹ năng chuyên sâu là chủ yếu. Ước lượng một nửa là lĩnh vực dầu khí, khoảng một phần ba là lĩnh vực sản xuất, và phần còn lại là ngành dịch vụ, phát triển bất động sản và nông nghiệp. Lưu ý là dòng tiền của đầu tư trực tiếp trong ngành dịch vụ tương đối nhỏ hơn trong điều kiện không kể đầu tư dầu khí và gaz, hơn 80% vốn đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ đổ vào 3 tỉnh thành lớn tại miền Nam chung quanh Thành phố Hồ Chí Minh (Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nam) và 2 tỉnh thành lớn miền bắc chung quanh Hà Nội (Hải Dương và Hà Nội). Ngay cả trước khi có đầu tư lớn của Intel, Thành phố Hồ Chí Minh đã có khoảng 40% đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ vào Việt Nam trong các ngành phi dầu mỏ. Hầu hết 60% vốn đầu tư trực tiếp liên quan đến Hoa Kỳ vào ngành phi dầu mỏ được đầu tư vào các doanh nghiệp 100% nước ngoài, với hầu hết thông qua hình thức liên doanh.

### **Ông nhận định như thế nào về thương mại song phương và quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong 5 năm qua?**

Trong 5 năm vừa qua, 2008 – 2012, thương mại và quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã được cải thiện đáng kể, nhưng không đạt được đầy đủ tiềm năng vì một số lý do. Tổng giá trị thương mại song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ tăng từ 15.7 tỷ đô la Mỹ năm 2008 lên đến 24.9 tỷ đô la Mỹ năm 2012, tăng 60%. Xu hướng trong ngành may mặc tiếp tục chiếm khoảng 40% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ, với việc loại bỏ hạn ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ cho sản phẩm may mặc cho các quốc gia thành viên WTO năm 2005 và Việt Nam trở thành thành viên WTO năm 2007, tạo ra chìa khóa chiến lược phát triển. Đầu tiên, mô hình nhập khẩu hàng may mặc của Hoa Kỳ chuyển từ các nhà cung cấp “khác” từ các quốc gia với tổng giá trị 45 tỷ đô la Mỹ năm 2005, bao gồm Trung Quốc và các nhà cung cấp “lớp 2” khoảng 20 triệu đô la Mỹ cho mỗi bên năm 2011 và 2012, sang giá trị phân bổ cho Trung Quốc, nhà cung cấp “lớp 2”, và các bên khác giá trị 30 tỷ đô la Mỹ mỗi bên. Thứ hai, trong giai đoạn này, Việt Nam đã liên tục tăng giá trị xuất khẩu đến các quốc gia có vai trò lãnh đạo trong nhóm cung cấp “lớp 2”, trong khi Mexico lại từ chối.

Trong tương lai, Việt Nam cần xây dựng công nghiệp phụ trợ dệt may của mình để tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ này, và để giữ cạnh tranh từ bốn quốc gia khác trong nhà cung cấp "lớp thứ 2", bao gồm Ấn Độ, Indonesia, Mexico, và Bangladesh, không đề cập đến Campuchia và Myanmar. Chìa khóa phát triển khác trong 5 năm qua nhằm phát triển đầu tư trực tiếp là “sản xuất hiện đại” phục vụ xuất khẩu thị trường toàn cầu (ví dụ, Intel, GE, Honeywell, Jabil, Sandhill Scientific, Datalogic, Spitfire Controls, Spartronics từ Hoa Kỳ, cũng như Samsung, Foxconn, Nidec, Canon từ Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản). Cuối cùng, việc phát triển ngành năng lượng không được tích cực với hai công ty năng lượng lớn của Hoa Kỳ, ConocoPhillips đã bán tài sản vào năm

2012 và Chevron tiếp tục không có khả năng đạt được thỏa thuận với Dầu khí Việt Nam, sau nhiều năm đàm phán, cho dự án có chi phí hơn 4.3 tỷ đô la Mỹ - để phát triển mỏ khí ngoài khơi miền Nam Việt Nam để sản xuất điện.

### **Thương mại song phương sẽ như thế nào đến năm 2020?**

Nếu khuynh hướng hiện nay vẫn được duy trì, thương mại song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ đạt được 51.6 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020. Và để giúp thương mại song phương giữa hai nước ngày càng mạnh hơn, Việt Nam nên tham gia đàm phán tích cực để đạt được kết luận và phê chuẩn Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) trong thời gian sớm nhất có thể. Và mạnh mẽ thực hiện không chỉ cam kết TPP, mà còn cam kết của BTA và WTO, mà Việt Nam đã đồng ý. Tham gia TPP, tích cực thực hiện mạnh mẽ những cam kết có thể tăng cường giá trị thương mại song phương giữa Việt Nam và Hoa Kỳ lên đến 61.3 tỷ đô la Mỹ năm 2020. Và giá trị xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ đạt 22 tỷ đô la Mỹ vào năm 2020. Hiện tại, các công ty Hàn Quốc và Trung Quốc đã công bố đầu tư trực tiếp tại Việt Nam để hỗ trợ ngành dệt cung cấp ngành xuất khẩu may mặc trong môi trường TPP.

Trong bài viết mới đây trên VET, một thành viên Ban Lãnh đạo AmCham đã chỉ ra bốn yếu tố hạn chế tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam cũng như đầu tư và thương mại song phương. Giải quyết được những vấn đề này sẽ tăng cường thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Đầu tiên, thiếu thực hiện mạnh mẽ các cam kết WTO trong lĩnh vực đầu tư và dịch vụ, sẽ làm cho nó khó khăn để được hưởng lợi từ hiệu quả của các ngành chủ chốt đem lại. Thứ hai, thiếu hụt phối hợp giữa chính phủ - doanh nghiệp trong việc cải cách cơ cấu cho Doanh nghiệp Nhà nước, và doanh nghiệp vừa và nhỏ để nâng cao tính cạnh tranh và khả năng thích nghi môi trường WTO. Thứ ba, thiếu hụt về cơ sở hạ tầng về năng lượng và giao thông cũng ảnh hưởng đầu tư trực tiếp. Và thứ tư, thiếu hụt về lao động có kỹ năng cao, làm cho việc di chuyển chuỗi giá trị theo hướng đi lên rất khó khăn ngay cả khi chi phí lao động tiếp tục tăng.

### **Một số công ty Hoa Kỳ - trụ sở đa quốc gia, công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu về đầu tư trực tiếp tại Việt Nam. Ông có nghĩ rằng triển vọng đầu tư của Việt Nam hứa hẹn cho các doanh nghiệp Mỹ? Tại sao?**

Các cty Hoa Kỳ có trụ sở đa quốc gia, với các công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu, đầu tư từ 200 triệu – 500 triệu mỗi công ty vào Việt Nam, được đánh giá là thị trường phát triển nhanh nhất toàn cầu. Điều này được công bố rộng rãi và báo cáo định kỳ trên báo chí. Tại sao? Điều này dựa trên nhân khẩu học Việt Nam, dân số trẻ, thu nhập tăng, và một tương lai tươi sáng.

### **Ngành nghề nào tiềm năng cho nhà xuất khẩu Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ? Và lĩnh vực nào thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư Hoa Kỳ vào Việt Nam trong những năm tới?**

Ngoài các ngành hàng tiêu dùng các công ty đa quốc gia, đầu tư trực tiếp Hoa Kỳ trong các ngành sản xuất có giá trị thặng dư cao cũng gia tăng, dẫn đầu bởi đầu tư của Intel được 1 tỷ đô la Mỹ cho cơ sở thử nghiệm tại khu công nghệ cao Saigon, và một số đầu tư nhỏ hơn khác. Ông Rick Howarth, cựu Tổng Giám đốc Intel Products Việt Nam (2007 – 2012) đã cho biết, “chúng tôi không phải bất kỳ điều gì chúng tôi không mong đợi. Ví dụ, chúng tôi kỳ vọng là sẽ phải làm việc với chính phủ địa phương và các tổ chức giáo dục nhằm đảm bảo Việt Nam có đầy đủ tài năng đáp ứng nhu cầu lao động. Intel đã chủ động đầu tư vào các chương trình liên minh đào tạo

kỹ thuật cao với các nhà tài trợ ban đầu từ USAID và Intel. Những nỗ lực của chính phủ trong một số công tác như thủ tục hải quan, và cải thiện cơ sở hạ tầng cũng đã được đánh giá cao”. AmCham hiện nay có “Ban Sản xuất” với sự tham gia của 20 công ty thuộc ngành sản xuất hiện đại. Những công ty này rất thành công. Một công ty đến Việt Nam 5 năm qua và đã tuyển dụng 1,000 nhân viên, xuất khẩu khoảng 50 tỷ đô la Mỹ / năm, và đang tìm kiếm địa điểm để mở rộng vì họ kỳ vọng doanh số tăng gấp 3 lần trong 5 năm tới. Hội viên của AmCham, công ty Jabil mới đây đã làm lễ động thổ xây dựng nhà máy 70 triệu đô la Mỹ trong khu công nghệ cao Saigon, sau 5 năm thành công tại đây.

**Ông nghĩ sao về ảnh hưởng đến từ các biện pháp chống phá giá của Hoa Kỳ đối với những sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam? Ông có lời khuyên gì cho các nhà xuất khẩu của Việt Nam nhằm tránh các vụ việc tố tụng liên quan đến luật chống phá giá trên thị trường Hoa Kỳ?**

Đây là một lĩnh vực rất phức tạp mang tính chuyên môn cao. Một số công ty, dịch vụ luật pháp ở Hoa Kỳ cùng với các công ty luật ở Việt Nam đã làm việc với những công ty Việt Nam để thông tin cho họ biết cách tránh kiện tụng do luật chống phá giá và thuế chống trợ cấp trên thị trường Hoa Kỳ.